BSC

Thứ hai, ngày 5 tháng 7 năm 2021

Vietnam Daily Review

Dòng tiền bắt đáy mạnh

Tổng quan

Dự đoán xu hướng thị trường

	Tiêu cực	Trung lập	Tích cực
Ngày 6/7/2021		•	
Tuần 5/7-9/7/2021		•	
Tháng 7/2021		•	

Nhận định:

Thị trường cơ sở: VNIndex ở trong sắc đỏ trong cả phiên giao dịch và điều chỉnh mạnh vào phiên chiều. Tuy nhiên, dòng tiền bắt đáy đổ mạnh vào thị trường khi VN-Index giảm xuống dưới ngưỡng 1400 điểm đã giúp thị trường hồi phục trở lại ngưỡng 1411 điểm vào cuối phiên. Dòng tiền đầu tư suy yếu khi chỉ có 4/19 nhóm ngành tăng điểm. Trong khi đó, khối ngoại bán ròng trên sàn cả hai sàn HSX và HNX. Ngoài ra, độ rộng thị trường chuyển sang trạng thái tiêu cực với thanh khoản tăng mạnh so với phiên trước. Với xu hướng dòng tiền như trên, VN-index có thể sẽ vận động trong vùng giá 1400-1450 điểm trong tuần này.

Hợp đồng tương lai: Các HĐTL đều tăng theo chỉ số cơ sở. Nhà đầu tư có thể cân nhắc những nhịp canh mua cho các hợp đồng dài hạn.

Chứng quyền: Trong phiên giao dịch ngày 5/7/2021, phần lớn chứng quyền đều giảm theo chứng khoán cơ sở. Giá trị giao dịch giảm.

Phân tích kỹ thuật: GEX_Tăng giá (Trang 3)

Điểm nhấn

• VN-Index -9.14 điểm, đóng cửa 1411.13. HNX-Index -0.25 điểm, đóng cửa 327.76.
• Kéo chỉ số tăng: TCB (+3.49); ACB (+1.21); MWG (+1.12); STB (+0.42); VPB (+0.40).
• Kéo chỉ số giảm: VCB (-2.23); VIC (-1.77); NVL (-1.70); HPG (-0.94); MSN (-0.74).
• Giá trị khớp lệnh của VN-Index đạt 26,637 tỷ đồng, +17.01% so với phiên trước. Tổng giá trị giao dịch đạt 27,996 tỷ đồng.
• Biên độ dao động là 27.4 điểm. Thị trường có 112 mã tăng, 28 mã tham chiếu và 287 mã giảm.
• Giá trị bán ròng của khối ngoại: -68.84 tỷ đồng trên sàn HOSE, gồm CTG (-105.9 tỷ), HPG (-88.3 tỷ) và NVL (-62.8 tỷ). Khối ngoại bán ròng trên sàn HNX với giá trị -15.6 tỷ đồng.

BSC RESEARCH

Trưởng phòng

Trần Thăng Long
longtt@bsc.com.vn

Nhóm Vĩ mô & Thị trường

Bùi Nguyên Khoa
khoabn@bsc.com.vn

Lê Quốc Trung
trunglq@bsc.com.vn

Tô Quang Vinh
vinhtq@bsc.com.vn

Nguyễn Tiến Đức
ducnt@bsc.com.vn

VN-INDEX **1411.13**
Giá trị: 26637.5 tỷ -9.14 (-0.64%)
Khối ngoại (ròng): -68.84 tỷ

HNX-INDEX **327.76**
Giá trị: 2908.73 tỷ -0.25 (-0.08%)
Khối ngoại (ròng): -15.56 tỷ

UPCOM-INDEX **90.47**
Giá trị: 1759.8 tỷ -0.17 (-0.19%)
Khối ngoại(ròng): 7.62 tỷ

Thông số vĩ mô

	Giá trị	%
Giá dầu	75.3	0.15%
Giá vàng	1,792	0.27%
Tỷ giá USD/VND	22,996	0.00%
Tỷ giá EUR/VND	27,293	0.01%
Tỷ giá JPY/VND	20,730	0.09%
LS liên NH 1 tháng	1.4%	6.68%
LS TPCP 5 năm	1.2%	0.00%

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Top giao dịch khối ngoại (tỷ đồng)

Top mua	Giá trị	Top bán	Giá trị
STB	91.3	CTG	-105.9
VCB	80.2	HPG	-88.3
VHM	76.4	NVL	-62.8
MSN	44.7	SSI	-58.7
GAS	44.1	VPB	-42.3

Nguồn: BSC Research

Mục lục

Tổng quan thị trường	Trang 1
Thị trường hàng hóa	Trang 2
Tín hiệu cổ phiếu	Trang 3
Khuyến nghị ngắn hạn	Trang 4
Thị trường phái sinh	Trang 5
Danh mục cổ phiếu hàng đầu	Trang 6
Thống kê thị trường	Trang 7
Khuyến nghị dài hạn	Trang 8
Báo cáo mới nhất	Trang 9
iBroker	Trang 10
Khuyến cáo sử dụng	Trang 11

BSC

7/5/2021

Vietnam Daily Review

Cập nhật giá cả hàng hóa chiều 5/7

*Mặt hàng	Đơn vị	Giá	% Ngày	% Tuần	% Tháng	% Năm	Liên quan đầu ra	Liên quan đầu vào
Dầu WTI	USD/barrel	75.23	0.09%	3.20%	9.70%	79.42%	GAS, BSR,	PVD, PVT
Dầu Brent	USD/barrel	76.26	0.12%	2.90%	7.60%	68.27%	GAS, BSR,	PVD, PVT
Xăng	UScent/gallon	230.35	0.16%	3.90%	4.90%	77.32%	PLX, OIL	HVN, VJC
Vàng	USD/ounce	1792.00	0.26%	0.80%	-4.20%	-1.01%		PNJ
Bạc	USD/ounce	26.57	0.39%	1.80%	-3.10%	36.86%		PNJ
Đậu tương	UScent/bushel	1399.00	0.25%	10.20%	-1.00%	56.53%	HKB	DBC, QNS
Lúa mì	UScent/bushel	652.75	-1.92%	1.90%	-5.70%	25.29%		AFX
Sữa	USD /cwt	16.79	0.12%	0.80%	-6.10%	1.76%	VNM, GTN	KDC
Cao su*	JPY/kg	199.64	1.76%	-7.00%			DPR, PHR	SRC, CSM
Đường	US cent/lb	18.15	1.17%	4.90%	2.40%	48.89%	SBT, LSS	VNM, GTN
Cà phê	US cent/lb	153.05	-2.14%	-3.00%	-6.20%	37.39%	CTP, DLG	VCF, CTP
Đồng	USD /ton	9376.50	0.58%	-0.40%	-7.60%	55.83%	MSN, ACM	CAV, SAM
Thép*	USD/ton	797.60	0.94%	1.80%	0.60%		HSG, HPG	PC1, CTD
Thép HRC*	USD/ton	840.17	0.56%	2.20%	-0.30%			
Nhôm	USD/ton	2562.00	1.99%	3.10%	4.80%	58.74%		CAV, SAM
Quặng sắt*	USD/ton	185.28	3.30%	1.00%	0.90%		HSG, HPG	HSG, HPG
Than đá	USD/ton	134.00	1.94%	5.30%	21.40%	101.96%	HLC, NBC	HT1, BCC

Thông tin nổi bật

Giá dầu

• Dầu thô Brent kỳ hạn tháng 8 tăng 0.15 USD hay 0.2% lên 76.32 USD/thùng. Dầu thô Tây Texas WTI tăng 0.12 USD hay 0.5% lên 75.28 USD/thùng.

• OPEC+ chưa đạt đồng thuận trong quyết định tăng sản lượng thêm 2 triệu thùng trong thời gian 8-12/2021, cũng như việc kéo dài cắt giảm sản lượng trong các năm 2021-2022. OPEC+ sẽ họp thêm một lần nữa vào ngày 5/7.

Giá vàng

• Vàng giao ngay trên sàn LBMA tăng 0.1% lên 1,788.60 USD/ounce. Vàng kỳ hạn tháng 8 tăng 0.3% lên 1,788.50 USD/ounce.

	5/7	% 5/7	2/7	% 2/7	% Tuần	% Tháng
VN INDEX	1411.13	-0.64%	1420.27	0.23%	0.38%	3.43%
S&P 500			4352.34	0.75%	1.67%	3.43%
HĐTL S&P500	4337.75	-0.12%	4342.80	0.74%	1.34%	3.74%
Shang- hai	3534.32	0.44%	3518.76	-1.95%	-2.00%	-1.75%
Euro Stoxx	4070.55	-0.34%	4084.31	0.13%	-0.47%	-0.21%

BSC

7/5/2021

Vietnam Daily Review

Lê Quốc Trung
trunglq@bsc.com.vn

Phân tích kỹ thuật

GEX_Tăng giá

Điểm nhấn kỹ thuật:
- Xu hướng hiện tại: Tăng giá.
- Chỉ báo xu hướng MACD: Xuất hiện Golden Cross.
- Chỉ báo RSI: Ở trên giá trị 50.
- Đường MA: EMA12 ở trên EMA26.

Nhận định: GEX đang ở trạng thái tăng giá trở lại sau khi có giai đoạn giảm trong tháng 6. Thanh khoản cổ phiếu trong những phiên gần đây vẫn giữ giá trị ổn định. Các chỉ báo xu hướng hiện đang ở trong trạng thái khả quan. Chỉ báo động lượng RSI ở trên giá trị 50 nhưng chưa đi vào vùng quá mua đồng thời đường MACD vừa cắt lên trên đường tín hiệu nên cổ phiếu tiềm năng sẽ duy trì đà tăng trong ngắn hạn. Ngưỡng hỗ trợ gần nhất của GEX nằm tại khu vực xung quanh 22.5. Mục tiêu chốt lãi của cổ phiếu nằm tại mức 26, cắt lỗ nếu ngưỡng 21.85 bị xuyên thủng.



Nguồn: BSC, PTKT Itrade

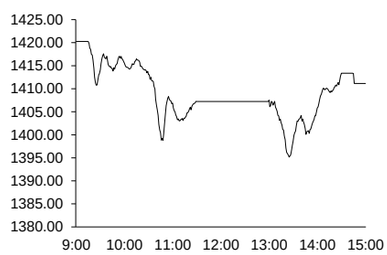
Bảng 1

Vận động ngành trong ngày

Ngành	±%
Bán lẻ	5.10%
Viễn thông	4.76%
Ngân hàng	0.89%
Công nghệ Thông tin	0.60%
Hàng cá nhân & Gia dụng	-0.10%
Y tế	-0.35%
Hóa chất	-0.47%
Truyền thông	-0.64%
Bảo hiểm	-0.91%
Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	-0.92%
Dịch vụ tài chính	-1.07%
Thực phẩm và đồ uống	-1.32%
Ô tô và phụ tùng	-1.38%
Bất động sản	-1.50%
Du lịch và Giải trí	-1.60%
Xây dựng và Vật liệu	-1.77%
Tài nguyên Cơ bản	-1.87%
Dầu khí	-2.27%
Điện, nước & xăng dầu khí đốt	-3.53%

Hình 1

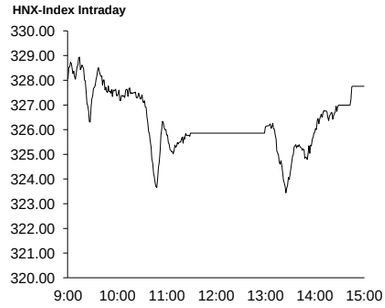
HSX-Index Intraday



Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Hình 2

HNX-Index Intraday



Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Danh sách cổ phiếu khuyến nghị cho nhà đầu tư ngắn hạn

Thống kê các khuyến nghị chưa đóng vị thế

Ngày ra báo cáo	Mã CK	Giá ngày ra báo cáo	Giá chốt lời	Giá cắt lỗ	Giá hiện tại	Số ngày nắm giữ	Lãi / Lỗ	Khuyến nghị hiện tại
7/2/2021	VGT	20	23	18.5	19.9	3	-0.50%	Có thể tiếp tục mua
7/1/2021	VNM	90.9	110	88	89.2	4	-1.87%	Cân nhắc đóng vị thế (*)
6/30/2021	CMG	37.3	42	35	39	5	4.56%	Có thể tiếp tục mua
6/29/2021	VJC	120	132	113	118.3	6	-1.42%	Có thể tiếp tục mua
6/28/2021	MSB	30.3	34	27.5	31.4	7	3.63%	Có thể tiếp tục mua
6/25/2021	ACV	75.6	83.5	71.7	77	10	1.85%	Có thể tiếp tục mua
6/24/2021	GVR	34.8	44	30.9	36.3	11	4.31%	Có thể tiếp tục mua
6/23/2021	CTD	65.4	72	58.5	62.8	12	-3.98%	Có thể giữ nguyên vị thế
6/21/2021	POW	12.5	14	11.3	11.7	14	-6.40%	Cân nhắc đóng vị thế (*)
6/18/2021	PLP	10.25	12.5	9.5	10.45	17	1.95%	Có thể tiếp tục mua
6/16/2021	GEG	17.2	19.5	16	16.75	19	-2.62%	Có thể giữ nguyên vị thế
6/14/2021	FRT	27.1	32	25	29.4	21	8.49%	Có thể tiếp tục mua
6/11/2021	BVH	57.3	63.5	54.5	58.3	24	1.75%	Có thể giữ nguyên vị thế
6/10/2021	ASM	14.2	16	12.75	13.45	25	-5.28%	Cân nhắc đóng vị thế (*)
6/3/2021	KSB	28.85	32.5	27	28.35	32	-1.73%	Cân nhắc đóng vị thế (*)
5/31/2021	PC1	27.6	32.5	23.5	26.9	35	-2.54%	Có thể giữ nguyên vị thế
5/20/2021	REE	58.4	63.4	52	54.8	46	-6.16%	Có thể giữ nguyên vị thế

Chú thích: **(*) Trạng thái kỹ thuật không tốt** **(**) Tiệm cận giá mục tiêu**

Thống kê các khuyến nghị đã đóng vị thế

Ngày ra báo cáo	Mã CK	Giá ngày ra báo cáo	Giá chốt lời	Giá cắt lỗ	Trạng thái	Số ngày nắm giữ	Lãi / Lỗ
6/22/2021	HII	21.8	24	21	SL	10	-3.67%
6/17/2021	HBC	16.4	18.5	15.3	SL	14	-6.71%
6/15/2021	BMP	60.5	67	58.5	SL	20	-3.31%
6/9/2021	LCG	13.1	14.5	12.25	SL	26	-6.49%
6/8/2021	SBT	21.2	23.5	20	TP	10	10.85%
6/7/2021	D2D	54.3	60	52	SL	3	-4.24%
6/4/2021	KBC	35.5	43	32	FS	25	12.11%
6/2/2021	CEO	10.4	12.5	9.5	SL	33	-8.65%
6/1/2021	PLC	26.8	29.5	25.8	TP	6	10.07%
5/28/2021	IDC	37.4	41.5	35.5	SL	38	-5.08%
5/27/2021	LAS	11.4	13	10.4	TP	22	14.04%
5/26/2021	FMC	33.45	37	32.15	SL	7	-3.89%
5/25/2021	CTS	17.25	20	16.5	TP	7	15.94%
5/24/2021	VTP	90.8	100	86.3	TP	15	10.13%
5/21/2021	DXG	24.35	29	22.5	TP	13	19.10%

Chú thích: Thống kê 15 mã đóng vị thế gần nhất **TP - Đã chốt lời** **SL - Đã cắt lỗ** **FS - Đóng vị thế sớm**

Thống kê	Số khuyến nghị lãi	Số khuyến nghị lỗ	Hiệu suất lãi	Hiệu suất lỗ	Hiệu suất bình quân	Nắm giữ bình quân
Cổ phiếu chưa chốt	7	10	3.79%	-3.25%	-0.35%	17
Cổ phiếu đã chốt	159	92	13.66%	-7.96%	5.74%	27

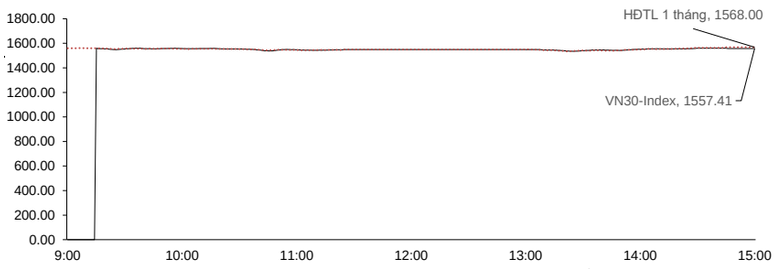
Thị trường hợp đồng tương lai

Tô Quang Vinh

vinhtq@bsc.com.vn

Hình 4

VN30-Index Intraday vs HĐTL 1 tháng Intraday



Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Bảng 2

Top tăng điểm VN30

CK	Giá	±giá (%)	Index pt
TCB	58.00	**6.81**	10.32
MWG	166.50	**6.19**	3.67
STB	32.60	**3.49**	2.31
TPB	39.30	**4.11**	1.18
VPB	72.70	**0.83**	1.17

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Bảng 4

Hợp đồng tương lai

CK	Đóng	± Ngày	± Basis	%KL	KLGD	Đáo hạn	Số ngày*
VN30F2107	1568.00	0.76%	10.59	21.5%	220,538	7/15/2021	12
VN30F2108	1574.00	1.55%	16.59	236.0%	1,092	8/19/2021	47
VN30F2109	1569.80	1.66%	12.39	169.4%	97	9/16/2021	75
VN30F2112	1558.00	0.97%	0.59	96.9%	63	12/16/2021	166

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Bảng 3

Top giảm điểm VN30

CK	Giá	±giá (%)	Index pt
HPG	51.2	**-2.10**	-3.31
NVL	115.0	**-3.36**	-2.52
VIC	115.0	**-2.13**	-1.87
VRE	29.5	**-6.94**	-1.48
MSN	111.6	**-2.02**	-1.16

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Nhận định:

• VN30 Index tăng +2.82 điểm, lên 1557.41 điểm. Các cổ phiếu chủ chốt như TCB, MWG, HPG, VIC tác động mạnh đến vận động tích lũy của VN30. VN30 giành phần lớn thời gian giao dịch giằng co quanh 1540-1555 điểm. VN30 có thể vận động tăng trong những phiên tiếp theo.

• Các HĐTL đều tăng theo chỉ số cơ sở. Xét về khối lượng giao dịch, các hợp đồng đều tăng. Xét về vị thế mở, ngoại trừ VN30F2109, các hợp đồng đều tăng. Nhà đầu tư có thể cân nhắc những nhịp canh mua cho các hợp đồng dài hạn.

Thị trường chứng quyền có bảo đảm

Mã	Đáo hạn	Số ngày	CR	KLGD	Độ lệch chuẩn	Giá phát hành	Giá CQ	± Ngày	Giá Lý thuyết*	Price/ Value	Giá hòa vốn	Giá thực hiện	Giá CKCS
CTCB2103	8/9/2021	35	2:1	967,300	38.22%	2,900	11,480	17.74%	11,331	1.01	41,300	35,500	58,000
CMWG2102	8/2/2021	28	5:1	448,700	30.13%	3,000	8,800	17.33%	9,387	0.94	135,000	120,000	166,500
CMWG2105	8/27/2021	53	8:1	209,400	30.13%	2,950	4,950	15.38%	4,501	1.10	155,100	131,500	166,500
CTCB2104	8/27/2021	53	2:1	261,600	38.22%	2,000	8,300	14.17%	6,331	1.31	49,800	45,800	58,000
CTCB2101	10/5/2021	92	1:1	176,400	38.22%	5,000	28,000	13.82%	27,370	1.02	36,000	31,000	58,000
CTCB2012	7/30/2021	25	1:1	45,300	38.22%	5,400	35,990	10.06%	36,071	1.00	27,400	22,000	58,000
CSTB2104	8/27/2021	53	1:1	114,100	44.70%	4,000	11,200	5.16%	9,886	1.13	26,900	22,900	32,600
CVPB2104	8/27/2021	53	3:1	77,000	37.66%	2,500	10,400	4.00%	8,014	1.30	56,500	49,000	72,700
CMWG2104	3/22/2022	260	10:1	352,400	30.13%	2,400	7,200	3.30%	3,936	1.83	159,000	135,000	166,500
CSTB2103	8/9/2021	35	2:1	258,700	44.70%	1,400	7,590	3.13%	7,341	1.03	20,800	18,000	32,600
CPNJ2102	8/2/2021	28	5:1	140,400	30.66%	2,000	4,990	2.67%	3,920	1.27	90,000	80,000	99,300
CVPB2103	8/9/2021	35	2:1	367,500	37.66%	2,700	17,510	-1.52%	18,183	0.96	41,900	36,500	72,700
CVHM2104	8/9/2021	35	10:1	189,100	32.00%	1,600	2,860	-3.05%	2,105	1.36	114,000	98,000	118,500
CMSN2103	8/13/2021	39	6:1	136,100	38.07%	3,000	5,030	-3.27%	4,027	1.25	106,000	88,000	111,600
CHPG2105	8/9/2021	35	2:1	184,100	36.41%	3,000	15,700	-3.68%	4,733	3.32	48,000	42,000	51,200
CNVL2102	9/27/2021	84	16:1	372,700	33.13%	1,100	3,490	-4.38%	194	17.98	107,608	94,636	115,000
CHPG2108	8/12/2021	38	5:1	284,000	36.41%	1,200	4,520	-5.83%	68	66.41	48,124	43,713	51,200
CHPG2106	8/27/2021	53	2:1	83,400	36.41%	4,100	12,500	-6.02%	1,759	7.11	42,937	36,908	51,200
CPDR2101	9/27/2021	84	5:1	328,900	38.32%	1,100	4,070	-6.65%	1,871	2.18	94,388	88,888	95,000
CVRE2013	7/30/2021	25	1:1	340,100	36.90%	5,000	4,500	-15.25%	2,443	1.84	32,500	27,500	29,500
			Tổng	**4,369,900**	**36.18%****								

Chú thích: ***Bảng bao gồm các chứng quyền có giá trị giao dịch nhiều nhất***

Lãi suất phi rủi ro là 4.75%

****Trung bình độ lệch chuẩn***

CR: Tỷ lệ chuyển đổi

Số ngày: Số ngày đến thời điểm đáo hạn

**Giá lý thuyết được tính theo công thức Black-Scholes*

Nhận định:

• Trong phiên giao dịch ngày 5/7/2021, phần lớn chứng quyền đều giảm theo chứng khoán cơ sở. Giá trị giao dịch giảm.

• CTCB2103 và CMWG2102 tăng mạnh lần lượt là 17.74% và 17.33%. Trái lại, CVRE2013 và CTCH2003 giảm mạnh lần lượt là -15.25% và -13.73%. Giá trị giao dịch giảm -11.24%. CTCB2103 có giá trị giao dịch nhiều nhất, chiếm 18.12% thị trường.

• CMWG2102, CVPB2103, CTCB2012, CVPB2015 và CTCB2103 là những chứng quyền có giá trị gần nhất với giá lý thuyết. CVPB2015, CHPG2101, và CTCB2012 là những chứng quyền tích cực nhất xét về tỷ suất sinh lời. CVPB2015, CTCB2012, và CTCB2101 là những chứng quyền tích cực nhất xét về tình trạng lãi.

Danh mục cổ phiếu đầu ngành

Mã	Ngành	Giá đóng cửa (nghìn VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (Tr USD)	Thanh khoản (tr USD)	EPS (VND)	P/E	P/B	NN sở hữu	ROE
MWG	Bán lẻ	166.5	6.2%	0.9	3,441	9.7	9,051	18.4	4.6	49.0%	27.2%
PNJ	Bán lẻ	99.3	-0.2%	1.0	982	3.7	4,974	20.0	3.9	49.0%	21.0%
BVH	Bảo hiểm	58.3	-1.4%	1.5	1,882	2.6	2,548	22.9	2.1	27.0%	9.5%
PVI	Bảo hiểm	39.7	-2.0%	0.4	386	0.1	3,809	10.4	1.3	49.0%	12.2%
VIC	Bất động sản	115.0	-2.1%	0.7	16,912	13.9	2,174	52.9	4.8	15.8%	9.0%
VRE	Bất động sản	29.5	-6.9%	1.1	2,914	8.9	1,175	25.1	2.2	30.5%	9.3%
VHM	Bất động sản	118.5	0.4%	1.0	16,948	23.1	7,874	15.0	4.3	22.9%	33.6%
DXG	Bất động sản	22.9	-3.8%	1.3	516	9.5	(61)		1.8	26.3%	-0.5%
SSI	Chứng khoán	56.5	-2.4%	1.5	1,609	46.0	2,776	20.4	3.2	46.9%	16.2%
VCI	Chứng khoán	59.0	1.4%	1.0	854	11.5	2,851	20.7	4.0	20.5%	22.1%
HCM	Chứng khoán	53.1	-2.6%	1.6	704	15.9	2,462	21.6	3.4	48.0%	16.4%
FPT	Công nghệ	92.7	0.9%	0.9	3,657	11.8	4,103	22.6	5.0	49.0%	23.6%
FOX	Công nghệ	80.0	1.1%	0.4	1,142	0.2	4,304	18.6	5.6	0.0%	30.0%
GAS	Dầu khí	92.0	-4.8%	1.3	7,656	6.4	3,946	23.3	3.5	2.7%	14.9%
PLX	Dầu khí	54.5	-1.6%	1.5	2,947	5.1	2,915	18.7	2.9	17.3%	16.8%
PVS	Dầu khí	27.0	-3.9%	1.7	561	18.0	1,375	19.6	1.1	7.9%	5.4%
BSR	Dầu khí	20.1	-3.8%	0.8	2,710	17.3	(909)	N/A	N/A	2.0	41.1%	-8.7%
DHG	Dược	94.5	0.4%	0.4	537	0.0	5,647	16.7	3.3	54.6%	20.2%
DPM	Hóa chất	22.5	-2.2%	0.7	382	2.6	1,928	11.6	1.1	14.2%	9.4%
DCM	Hóa chất	19.5	-3.0%	0.6	449	5.1	1,122	17.4	1.6	2.2%	9.4%
VCB	Ngân hàng	113.6	-1.1%	1.1	18,319	10.0	5,709	19.9	4.2	23.6%	22.8%
BID	Ngân hàng	46.7	-0.9%	1.3	8,158	7.0	2,048	22.8	2.4	16.6%	10.6%
CTG	Ngân hàng	52.1	-1.1%	1.3	8,434	44.5	4,765	10.9	2.1	25.1%	20.9%
VPB	Ngân hàng	72.7	0.8%	1.2	7,759	73.9	4,626	15.7	3.2	15.4%	22.5%
MBB	Ngân hàng	43.1	-0.8%	1.2	5,245	49.1	3,612	11.9	2.3	21.0%	21.6%
ACB	Ngân hàng	38.0	5.1%	1.0	4,458	26.7	3,194	11.9	2.7	37.5%	25.6%
BMP	Nhựa	57.6	-2.0%	0.7	205	0.2	6,160	9.4	2.0	83.1%	20.3%
NTP	Nhựa	49.9	-0.6%	0.5	256	0.1	3,988	12.5	2.2	19.4%	17.8%
MSR	Tài nguyên	19.7	-4.4%	0.7	941	1.0	39	505.1	1.5	10.1%	0.3%
HPG	Thép	51.2	-2.1%	1.1	9,957	83.0	4,056	12.6	3.5	26.3%	31.3%
HSG	Thép	41.6	-1.9%	1.4	885	18.0	4,914	8.5	2.5	9.2%	35.0%
VNM	Tiêu dùng	89.2	-1.0%	0.7	8,105	11.4	4,682	19.1	5.9	54.9%	31.9%
SAB	Tiêu dùng	166.5	-1.6%	0.8	4,642	0.5	7,561	22.0	5.4	62.9%	26.7%
MSN	Tiêu dùng	111.6	-2.0%	1.0	5,728	10.7	1,281	87.1	8.1	32.9%	5.1%
SBT	Tiêu dùng	20.5	-2.4%	1.2	550	3.3	1,131	18.1	1.6	8.4%	8.7%
ACV	Vận tải	77.0	-1.7%	0.8	7,288	0.4	577	133.4	4.5	3.6%	3.4%
VJC	Vận tải	118.3	-1.9%	1.1	2,786	2.5	2,256		4.2	18.3%	8.3%
HVN	Vận tải	27.0	-1.5%	1.7	1,665	0.8	(9,327)		26.6	9.2%	-155.4%
GMD	Vận tải	44.5	-0.1%	1.0	583	7.2	1,246	35.7	2.2	41.4%	6.2%
PVT	Vận tải	20.1	-3.8%	1.3	283	5.0	2,281	8.8	1.3	12.9%	15.5%
VCS	Vật liệu xây dựng	112.0	0.2%	0.9	779	1.4	8,479	13.2	4.2	4.0%	39.2%
VGC	Vật liệu xây dựng	29.7	-0.8%	0.4	578	0.3	1,604	18.5	2.0	5.7%	10.9%
HT1	Vật liệu xây dựng	16.0	-1.2%	0.9	265	0.3	1,566	10.2	1.1	2.8%	11.0%
CTD	Xây dựng	62.8	-2.6%	1.1	203	1.1	3,352	18.7	0.6	44.0%	3.0%
CII	Xây dựng	18.4	-3.2%	0.5	191	2.5	56	329.8	0.9	22.1%	0.2%
REE	Điện	54.8	-3.4%	-1.4	736	2.6	5,770	9.5	1.4	49.0%	16.3%
PC1	Điện	26.9	1.5%	-0.4	224	0.7	2,371	11.3	1.3	9.9%	13.2%
POW	Điện	11.7	-2.5%	0.6	1,191	8.0	1,037	11.3	0.9	2.9%	8.6%
NT2	Điện	20.5	-1.9%	0.5	257	0.3	1,872	11.0	1.4	14.9%	12.8%
KBC	Khu công nghiệp	38.4	-3.3%	1.0	783	22.6	1,639	23.4	1.8	19.3%	7.8%
BCM	Khu công nghiệp	54.0	0%	0.9	2,430	0.0			3.4	2.0%	

Thống kê thị trường

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên VN-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
TCB	58.00	6.81	3.52	47.55MLN
MWG	166.50	6.19	1.25	1.36MLN
ACB	37.95	5.12	1.09	16.67MLN
STB	32.60	3.49	0.56	53.69MLN
VHM	118.50	0.42	0.46	4.55MLN

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên HNX-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
SHB	30.00	3.45	2.17	35.82MLN
NVB	21.00	1.45	0.17	3.53MLN
THD	206.80	0.19	0.15	635600
HHC	80.00	5.68	0.06	100.00
BII	7.10	9.23	0.04	4.89MLN

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên VN-Index

CK	Giá	7/4/20	Index pt	KLGD
GAS	0.00	-2.39	1.55MLN	1.11MLN
VIC	0.00	-2.30	2.77MLN	607060
VRE	-0.01	-1.39	6.66MLN	373600
HPG	0.00	-1.34	37.07MLN	192700
VCB	0.00	-1.31	2.05MLN	611640

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên HNX-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
VND	47.50	-1.86	-0.42	6.44MLN
SHS	45.90	-2.96	-0.39	8.11MLN
PVS	27.00	-3.91	-0.37	15.18MLN
BAB	26.00	-1.14	-0.27	157500
SHN	13.40	-4.29	-0.10	147100

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HSX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
SVC	73.60	6.98	0.04	8600.00
TNT	9.40	6.94	0.00	996300
AGM	33.15	6.94	0.01	82000
FRT	29.40	6.91	0.04	4.19MLN
TGG	11.75	6.82	0.01	2.57MLN

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HNX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
MAS	53.20	9.9	0.02	8700
QHD	37.40	9.7	0.02	100
NFC	10.40	9.5	0.01	1500
PGT	4.70	9.3	0.00	3700
BII	7.10	9.2	0.04	4.89MLN

Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HSX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
HU1	8.27	-6.97	0.00	1100
DAH	8.96	-6.96	-0.01	396100
VRE	29.50	-6.94	-1.39	6.66MLN
DAT	20.40	-6.85	-0.02	5900
VPH	5.58	-6.84	-0.01	603200

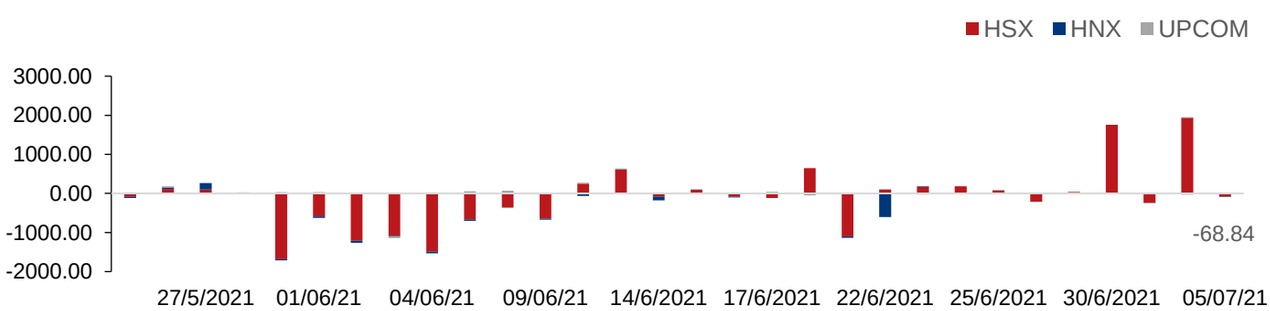
Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HNX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
BTS	7.00	-9.09	-0.01	129200
ALT	10.50	-8.70	0.00	100
PSE	10.40	-7.96	0.00	22100
HEV	14.00	-7.28	0.00	1500
VSA	28.10	-7.26	-0.01	6300

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Hình 3

Giao dịch khối ngoại



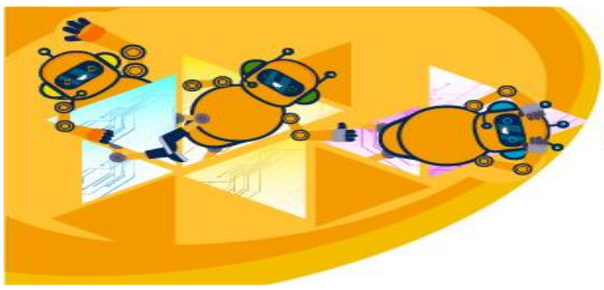
Nguồn: HSX, HNX, BSC Research

Danh mục khuyến nghị đầu tư dài hạn

STT	Mã	Ngành	Khuyến nghị	Ngày ra báo cáo	Giá ngày ra báo cáo	Giá mục tiêu	Giá hiện tại	EPS	P/E	P/B	Link tải báo cáo
1	ACB	Ngân hàng	Mua	25/2/21	31.7	41.5	38.0	3,194	11.9	2.7	Click
2	ACV	Vận tải	Mua	13/11/20	68.2	87.6	77.0	577	133.4	4.5	Click
3	AGG	Bất động sản	Mua	19/5/21	47.2	62.1					Click
4	C4G	Xây dựng	Mua	14/12/20	10.2	12.9	9.8	600	16.3	0.9	Click
5	CEO	Bất động sản	Theo dõi	7/6/21	10.8	12.5	9.4	-363		0.8	Click
5	CSV	Hóa chất	Theo dõi	22/3/21	32.8	40.0	28.5	3,834	7.4	1.2	Click
6	CTG	Ngân hàng	Mua	25/2/21	37.1	49.4	52.1	4,765	10.9	2.1	Click
8	DCM	Phân bón	Mua	4/1/21	17.5	21.1	19.5	1122.1	17.4	1.6	Click
9	DGC	Hóa chất	Theo dõi	23/2/21	58.4	72.8	83.7	5,505	15.2	3.5	Click
10	DGW	Bán lẻ	Mua	25/2/21	92.1	110.3	137.0	7,653	17.9	4.7	Click
11	DPM	Hóa chất	Mua	11/3/21	19.1	23.0	22.5	1,928	11.6	1.1	Click
12	DRC	Săm lốp	Mua	18/5/21	26.2	32.8	31.7	2,379	13.3	2.1	Click
13	DXG	Bất động sản	Mua	5/11/21	23.4	30.2	22.9	-61		1.8	Click
14	FPT	Viễn thông	Mua	11/3/21	76.7	86.0	92.7	4,103	22.6	5.0	Click
15	GVR	Khu công nghiệp	Mua	9/12/20	20.1	23.6	36.3	1,091	33.3	3.0	Click
16	HDG	Bất động sản	Theo dõi	15/5/20	27.3	N/a	43.4	7,082	6.1	2.0	Click
17	HPG	VLXD	Mua	25/5/21	65.4	76.5	51.2	4,056	12.6	3.5	Click
18	HSG	VLXD	Mua	14/5/21	37.4	47.8	41.6	4,914	8.5	2.5	Click
19	HT1	VLXD	Mua	19/11/20	17.4	19.8	16.0	1,566	10.2	1.1	Click
20	HUT	Xây dựng	Theo dõi	21/5/21	6.5	7.6	8.1	-1,032		0.7	Click
21	KBC	Bất động sản	Mua	28/8/20	13.5	17.1	38.4	1,639	23.4	1.8	Click
22	KDH	Bất động sản	Mua	5/11/21	36.8	42.1	36.8	1,946	18.9	2.7	Click
23	LPB	Ngân hàng	Mua	11/11/20	11.8	14.5	30.1			2.1	Click
24	MPC	Thủy sản	Theo dõi	15/9/20	29.1	33.5	38.6	3,258	11.8	1.5	Click
25	MSH	Dệt may	Mua	13/5/21	50.6	66.4	64.0	5,257	12.2	2.2	Click
26	MSN	Tiêu dùng	Theo dõi	4/6/20	63.9	70.8	111.6	1,281	87.1	8.1	Click
27	MWG	Bán lẻ	Mua	28/12/20	117.3	168.8	166.5	9,051	18.4	4.6	Click
28	NLG	Bất động sản	Mua	21/5/21	36.9	44.6	38.9	4,008	9.7	1.7	Click
29	PLC	Dầu khí	Mua	11/11/20	24.5	34.7	26.3	2,120	12.4	1.6	Click
30	PNJ	Tiêu dùng	Mua	2/3/21	84.7	100.4	99.3	4,974	20.0	3.9	Click
31	POW	Điện	Theo dõi	18/5/21	12.0	13.8	11.7	1,037	11.3	0.9	Click
32	PRE	Bảo hiểm	Mua	25/12/20	19.9	22.0					Click
33	PVD	Dầu khí	Mua	5/3/21	25.3	29.6	21.6	0	140.5	0.7	Click
34	PVS	Dầu khí	Mua	18/11/20	15.6	18.3	27.0	1,375	19.6	1.1	Click
35	SAB	Tiêu dùng	Theo dõi	17/9/20	188.2	193.3	166.5	7,561	22.0	5.4	Click
36	SBT	Đường	Mua	26/3/21	22.7	27.6	20.5	1,131	18.1	1.6	Click
37	SMC	VLXD	Mua	13/5/21	39.6	48.6	42.8	8272.5	5.2	1.5	Click
38	TCB	Ngân hàng	Theo dõi	25/2/21	39.8	52.0	58.0	4,074	14.2	2.6	Click
39	VCB	Ngân hàng	Theo dõi	25/2/21	100.0	131.8	113.6	5,709	19.9	4.2	Click
40	VEA	Vận tải	Theo dõi	18/9/20	44.9	46.6	48.3	4,166	11.6	2.6	Click
41	VGT	Dệt may	Theo dõi	21/5/21	16.8	19.0	19.9	570	34.9	1.6	Click
42	VHC	Thủy sản	Mua	25/5/21	39.4	47.0	43.4	3,837	11.3	1.5	Click
43	VHM	Bất động sản	Mua	30/11/20	82.6	102.4	118.5	7,874	15.0	4.3	Click
44	VNM	Tiêu dùng	Mua	27/8/20	117.1	122.1	89.2	4,682	19.1	5.9	Click
45	VPB	Ngân hàng	Mua	29/12/20	33.0	40.0	72.7	4,626	15.7	3.2	Click
46	VRE	Bất động sản	Mua	19/10/20	27.6	36.7	29.5	1,175	25.1	2.2	Click
47	VTP	Viễn thông	Theo dõi	284/21	80.5	87.1	83.8	3,256	25.7	7.2	Click

Danh sách các báo cáo đặc biệt BSC đã phát hành gần đây

STT	Tên báo cáo	Phân tích vĩ mô	Phân tích ngành	Link tải báo cáo
1	Vĩ mô & Thị trường Tháng 5.2021	x		Click
2	XU HƯỚNG GIÁ HÀNG HÓA THẾ GIỚI	x		Click
3	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_2Q2021		x	Click
4	Vĩ mô & Thị trường Tháng 4.2021	x		Click
5	Triển vọng ngành Dệt May 2021		x	Click
6	Vĩ mô & Thị trường Quý 1.2021	x		Click
7	Triển vọng ngành dầu khí 2021		x	Click
8	Vĩ mô & Thị trường Tháng 2.2021	x		Click
9	Banking Sector Outlook		x	Click
10	Báo cáo cập nhật kết quả kinh doanh 2020		x	Click
11	Vĩ mô & Thị trường Tháng 1.2021	x		Click
12	Vietnam Sector Outlook 2021		x	Click
13	Vietnam Macro Market Outlook 2021	x		Click
14	Triển vọng ngành tiêu dùng bán lẻ 2021		x	Click
15	Cơ hội từ đẩy mạnh giải ngân đầu tư công	x		Click
16	Vĩ mô & Thị trường Tháng 11.2020	x		Click
17	Triển vọng ngành khu công nghiệp 2021		x	Click
18	Vietnam Sector Outlook 4Q2020		x	Click
19	Triển vọng ngành Bất động sản 2021		x	Click
20	Luật VAT Sửa đổi cho ngành phân bón		x	Click
21	Vĩ mô & Thị trường Tháng 10.2020	x		Click
22	Bầu cử Hoa Kỳ 2020	x		Click
23	Fishery Outlook 2021		x	Click
24	Cơ hội thu hút dòng tiền của Việt Nam sau MSCI Review	x		Click
25	Báo cáo Triển vọng ngành thép 2020		x	Click
26	Vĩ mô Thị trường quý 3.2020	x		Click
27	Vĩ Mô Thị trường tháng 8.2020	x		Click
28	Chemical sector Outlook 2H.2020		x	Click
29	Banking sector Outlook 2H.2020		x	Click
30	BSC_Covid làn sóng thứ 2 (Cập nhật lần 4)	x		Click
31	BSC_Vietnam Sector Outlook_3Q2020		x	Click
32	Vĩ Mô & Thị Trường Tháng 7.2020	x		Click
33	Vĩ Mô Thị Trường Quý II	x		Click
34	Vĩ Mô & Thị Trường Tháng 5.2020	x		Click
35	Vĩ Mô & Thị Trường Tháng 4.2020	x		Click
36	BSC_Vietnam Sector Outlook_2020_VN_04212020		x	Click
37	BSC Vietnam_Hoa Kỳ cập nhật danh sách_22042020	x		Click
38	BSC_Tác động sụt giảm của giá dầu_19032020	x		Click
39	Vĩ Mô &Thị Trường Tháng 2.2020	x		Click
40	BSC_Dịch SARS-Cov_2 và các tác động_20200226	x		Click



BSC iBROKER

TRỢ LÝ THÔNG MINH iBROKER

Nhanh chóng, chính xác, chuyên sâu

BSC ibroker là dịch vụ 24/7 cung cấp cho khách hàng để hỗ trợ tra cứu thông tin, phân tích dữ liệu thị trường, dữ liệu cổ phiếu và đưa ra các tư vấn khuyến nghị đầu tư. BSC iBroker không thay thế khách hàng trong việc ra quyết định giao dịch; khách hàng nên xem xét BSC iBroker như một nguồn thông tin tham khảo.

Trợ lý phân tích định lượng (kim): gồm các chức năng tư vấn cổ phiếu dựa trên phân tích dữ liệu giá và khối lượng giao dịch, tư vấn tín hiệu mua/bán cổ phiếu trong phiên; tra cứu biến động dòng tiền theo các nhóm ngành thị tường; tra cứu tin tức báo chí,...

Trợ lý phân tích cơ bản (mộc): có chức năng phân tích các chỉ tiêu tài chính cơ bản của từng mã cổ phiếu ở kỳ hiện tại, so sánh với chỉ tiêu tài chính trung bình ngành và trung bình toàn thị trường.

Trợ lý báo cáo phân tích (thủy): Có chức năng tra cứu danh sách và nội dung các báo cáo cập nhật doanh nghiệp, phân tích ngành và doanh nghiệp của các chuyên viên phân tích BSC.

Trợ lý phái sinh (hỏa): cung cấp các chức năng sau: lịch phái sinh; thông tin công bố; tư vấn tham khảo thông tin giao dịch và tư vấn chiến lược giao dịch các hợp VN30F1m, VN30F2M, VN30F1Q, VN30F2Q; Xây dựng chiến lược giao dịch Alpha nghiên cứu các tác động làm thay đổi xu hướng vận động của các HĐTL theo phiên.

Sử dụng iBroker tại đây Link

Bản công bố rủi ro Link

Video hướng dẫn sử dụng Link

Báo cáo cập nhật trên iBroker trong ngày

Mã gõ báo cáo	Ngày	Nội dung tóm tắt
VHC 2021Q2	25/5/21	Khuyến nghị **MUA;** Giá mục tiêu **47000;** Giá tại Publish **39400** **Định giá**: Chúng tôi nâng khuyến nghị MUA đối với cổ phiếu VHC với giá mục tiêu mới là 47,000 VND (+19.3% so với mức giá ngày 24/05/2021), cao hơn 20% so với giá mục tiêu cũ sau khi (i) kỳ vọng hoạt động kinh doanh hồi phục từ mức nền thấp (ii) tăng mức P/E mục tiêu từ 6.5 lên 9.
VGT 2021Q2	21/5/21	Khuyến nghị THEO DÕI; Giá mục tiêu 19040; Giá tại Publish 16800 **Dự báo KQKD:** BSC dự phóng doanh thu và lợi nhuận sau thuế công ty mẹ của VGT năm 2021 lần lượt đạt 15,900 tỷ (+13.8% YoY) và 436 tỷ (+33.0% YoY) **Luận điểm đầu tư:** (1) Doanh nghiệp đầu ngành dệt may với quỹ đất sử dụng lớn tại các trung tâm thành phố, (2) Triển vọng hoạt động kinh doanh phục hồi từ đáy khủng hoảng.
NLG 2021Q2	21/5/21	Khuyến nghị **MUA;** Giá mục tiêu **44600** **Dự báo KQKD:** BSC dự báo doanh thu và lợi nhuận năm 2021 của NLG lần lượt ước đạt 6,557 tỷ đồng (+190.2% YoY) và lợi nhuận sau thuế công ty mẹ đạt 1,206 tỷ đồng (+44% YoY). EPS FW 2021 = 4,228 đồng. PE FW 2021 = 8.7 lần.

Room tư vấn Skype ***Room tư vấn Zalo***

Khuyến cáo sử dụng

Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về tình hình kinh tế vĩ mô cũng như diễn biến thị trường chứng khoán trong ngày. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, nắm giữ chứng khoán. Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC) không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này. Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cẩn trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BSC). Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chụp hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung cấp nếu không được sự chấp thuận của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV.



BSC Trụ sở chính

Tầng 10 & 11 Tháp BIDV

35 Hàng Vôi, Hoàn Kiếm, Hà Nội

Tel: +84 4 3935 2722

Fax: +84 4 2220 0669

BSC Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 9 Tòa nhà 146 Nguyễn Công Trứ

Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh

Tel: +84 8 3821 8885

Fax: +84 8 3821 8510

http://www.bsc.com.vn

Bloomberg: RESP BSCV <GO>

Đối với Phân tích Nghiên cứu

Phòng Phân tích Nghiên cứu

hn.ptnc@bsc.com.vn

(+84) 39352722 - Ext 108

Đối với Khách hàng tổ chức

Phòng TVĐT và môi giới KHTC

hn.tvdt.khtc@bsc.com.vn

(+84)2439264659

Đối với Khách hàng cá nhân

Trung tâm tư vấn i-Center

i-center@bsc.com.vn

(+84)2437173639